



🎓 境外學生 | SINH VIÊN QUỐC TẾ | MAHASISWA INTERNASIONAL



Hướng Dẫn Chuyển Tiền

Panduan Transfer Dana 匯款指南

Dành cho Sinh viên Việt Nam & Indonesia đến Đài Loan
Untuk Mahasiswa Vietnam & Indonesia ke Taiwan
適用於越南及印尼境外學生



Tiếng Việt

Hướng dẫn chuyển học phí từ Việt Nam
đến Đài Loan



Bahasa Indonesia

Panduan transfer biaya kuliah dari
Indonesia ke Taiwan



銀行帳戶資訊

Thông Tin Tài Khoản Ngân Hàng Informasi Rekening Bank

帳號 Số Tài Khoản No. Rekening	20042000022601
戶名 Tên Thụ Hưởng Nama Penerima	HUNGKUANG UNIVERSITY
Swift Code	APBKTWTH
受款銀行 Ngân Hàng Bank Penerima	YUANTA COMMERCIAL BANK CO., LTD.
銀行地址 Địa Chỉ Alamat Bank	12F, NO. 157, SEC. 3, RENAI ROAD, TAIPEI CITY 106085, TAIWAN





附言欄說明

Ghi Chú Thanh Toán | Catatan Pembayaran

【70】匯款用途填寫說明



中文說明：

如匯款用途為償還本行進口款項，請填具本行進口編號。

例：NNAHXXXXXXXXXX
(共14碼)



Tiếng Việt:

Nếu mục đích chuyển tiền là trả nợ vay nhập khẩu, vui lòng điền số tham chiếu của Ngân hàng Yuanta.

Ví dụ:

NNAHXXXXXXXXXX (14 ký tự)



Bahasa Indonesia:

Jika tujuan pengiriman uang adalah pembayaran pinjaman impor, harap isi nomor referensi Bank Yuanta.

Contoh:

NNAHXXXXXXXXXX (14 karakter)



請保留匯款收據 / Vui lòng giữ biên lai / Harap simpan bukti transfer

匯款步驟指南

Các Bước Chuyển Tiền | Langkah-Langkah Transfer



 前往銀行 / Đến Ngân Hàng / Kunjungi Bank

前往銀行或使用網路銀行

Đến ngân hàng hoặc dùng ngân hàng trực tuyến

Kunjungi bank atau gunakan mobile banking



 填寫表格 / Điền Thông Tin / Isi Formulir

填寫匯款申請表及帳戶資訊

Điền mẫu chuyển tiền với thông tin tài khoản

Isi formulir transfer dengan informasi rekening



 輸入金額 / Nhập Số Tiền / Masukkan Jumlah

輸入匯款金額並確認幣別

Nhập số tiền và xác nhận loại tiền tệ

Masukkan jumlah dan konfirmasi mata uang



 填寫附言 / Ghi Chú / Isi Keterangan

附言欄填寫學號或入學編號

Ghi số sinh viên vào ô ghi chú

Tulis nomor mahasiswa di kolom keterangan



 確認完成 / Xác Nhận / Konfirmasi

保留收據並通知學校財務處

Giữ biên lai và thông báo phòng tài chính

Simpan bukti transfer dan beritahu keuangan kampus



需要協助 ? | Cần hỗ trợ? | Butuh bantuan?

弘光科技大學國際專修部 Hungkuang University International Foundation Program

請依下述說明匯款：

Please instruct the payment as follows:

【59】帳號 Beneficiary A/C No.	20042000022601
【59】戶名 Beneficiary	HUNGKUANG UNIVERSITY
【57A】銀行代碼 Swift Code	APBKTWTH
【57D】受款銀行 Beneficiary Bank	YUANTA COMMERCIAL BANK CO., LTD.
【57D】銀行地址 Address	12F, NO. 157, SEC. 3, RENAI ROAD, TAIPEI CITY 106085, TAIWAN
【70】附言欄 Payment Details 如匯款用途為償還本行進口款項，請於本欄位填具本行進口編號，例：NNAHXXXXXXXXX 共 14 碼。 If the purpose of remittance is the import loan repayment, please fill the ref. no. of Yuanta Commercial Bank. For example, NNAHXXXXXXXXX.	

存匯行一覽表

List of Standard Settlement Instructions

CCY	Bank Name	SWIFT Code	CCY	Bank Name	SWIFT Code
USD	WELLS FARGO BANK, N.A. NEW YORK	PNBPUS3NNYC	CHF	UBS AG, ZURICH	UBSWCHZH80A
	CITIBANK N.A., NEW YORK	CITIUS33	SEK	JP MORGAN CHASE BANK N.A. LONDON BRANCH (Intermediary Bank : NORDEA BANK ABP, FILIAL I SVERIGE, STOCKHOLM)	CHASGB2L (Intermediary Bank: NDEASESS)
	JP MORGAN CHASE BANK, N.A., NEW YORK	CHASUS33	ZAR	THE STANDARD BANK OF SOUTH AFRICA LIMITED, JOHANNESBURG	SBZAZAJJ
	BANK OF NEW YORK MELLON CORPORATION, NEW YORK	IRVTUS3N	SGD	UNITED OVERSEAS BANK LIMITED	UOVBSGSG
CAD	BANK OF MONTREAL, TORONTO	BOFMCAT2	THB	BANGKOK BANK PUBLIC CO. LTD., BANGKOK	BKKBTHBK
	ROYAL BANK OF CANADA	ROYCCAT2		STANDARD CHARTERED BANK (HONG KONG) LIMITED	SCBLHKHH
AUD	ANZ BANKING GROUP LTD., MELBOURNE	ANZBAU3M	HKD	MEGA INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK, CO. LTD. (HONG KONG BRANCH)	ICBCHKHH
NZD	ANZ BANK NEW ZEALAND LTD., WELLINGTON	ANZBNZ22058		STANDARD CHARTERD BANK, TOKYO	SCBLJPJT
EUR	JP. MORGAN AG, FRANKFURT AM MAIN	CHASDEFX	JPY	MUFG BANK, LTD.	BOTKJPJT
	CITIBANK, N.A. LONDON	CITIGB2L		BANK OF CHINA LIMITED TAIPEI BRANCH (RMB CLEARING CENTER)	BKCHTWTP888
GBP	CITIBANK N.A. LONDON	CITIGB2L	CNY	BANK OF CHINA (HONG KONG) LIMITED	BKCHHKHH
	STANDARD CHARTERED BANK, LONDON	SCBLGB2L			

如有任何疑問，請洽營業單位。

Should you have any questions, please contact any of our business units.